

Dự án “Phát triển bền vững thông qua tăng cường năng lực tự giúp của các cộng đồng dân tộc thiểu số tại huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 1”

Nhà tài trợ: Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BftW)

QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Theo nghị định 27/2022/NĐ-CP)

- 2022 -

MỤC LỤC

MỤC TIÊU CỦA KHÓA TẬP HUẤN	3
CÁC NẮC THANG THAM GIA	3
KHÁI NIỆM QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG.....	4
CÁC CÁCH TIẾP CẬN CỦA QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG	4
LỢI ÍCH KHI ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG	6
NGUYÊN TẮC CỦA QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG	7
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THÔN DỰA VÀO NỘI LỰC	7
CHU TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THÔN THEO PHƯƠNG PHÁP QLCD	9
PHÂN TÍCH NĂM NGUỒN NỘI LỰC TRONG THÔN	9
PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ VÀ LỰA CHỌN GIẢI PHÁP ƯU TIÊN	13
ÁP DỤNG QLCD THEO NGHỊ ĐỊNH 27/2022 VỀ QUY ĐỊNH CƠ CHẾ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG	16
PHẦN I: Công trình quy mô nhỏ theo cơ chế đặc thù.....	16
PHẦN II: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong chương trình MTQG	23

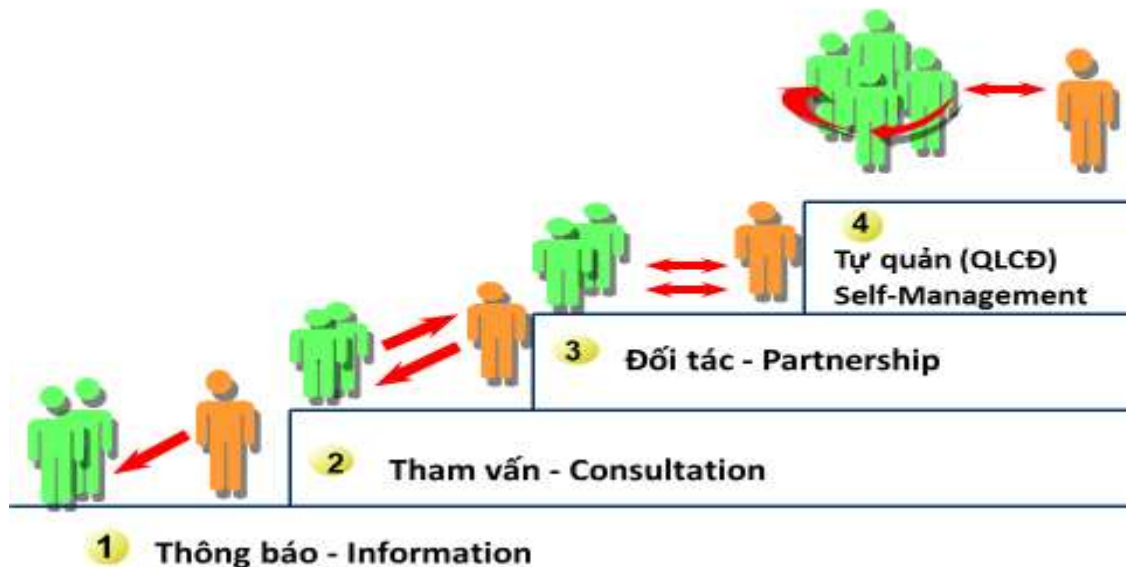
MỤC TIÊU CỦA KHÓA TẬP HUẤN

Sau khóa tập huấn, Nhóm nông cốt cộng đồng sẽ:

1. Hiểu được các nấc thang tham gia;
2. Hiểu khái niệm quản lý cộng đồng (QLCĐ) và các cách tiếp cận của QLCĐ;
3. Hiểu lợi ích và các nguyên tắc khi áp dụng QLCĐ;
4. Hiểu khái niệm phát triển thôn dựa vào nội lực trong Chương trình xây dựng NTM;
5. Biết cách phân tích các nguồn nội lực và lựa chọn các giải pháp/dự án cộng đồng ưu tiên;
6. Hiểu nội dung chính của cơ chế đặc thù theo ND 27/2022/ND-CP và các bước thực hiện công trình quy mô nhỏ và hỗ trợ sản xuất theo cơ chế đặc thù.

CÁC NẤC THANG THAM GIA

Mức độ tham gia của người dân vào quá trình phát triển cộng đồng có thể được chia theo nhiều nấc thang khác nhau từ thấp đến cao. Bốn nấc thang tham gia như sau được nhiều tài liệu sử dụng: Thông báo – Tham vấn – Đối tác – Tự quản. Trong đó Tự quản là nấc thang cao nhất của tham gia (còn gọi là Tự quản cộng đồng hay Quản lý cộng đồng).



KHÁI NIỆM QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

*Quản lý cộng đồng” là một phương pháp quản lý mà ở đó **người dân là chủ thể**. Họ được **quyền và biết cách xác định các vấn đề ưu tiên, biết cách lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động phát triển một cách công khai minh bạch và đảm bảo tính trách nhiệm giải trình.***

QLCĐ bao hàm các quan điểm của Pháp lệnh dân chủ số 34/2007/PL-UBTVQH11 do Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2007 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

QLCĐ chú trọng việc chính quyền lắng nghe tiếng nói của người dân và người dân được tham gia vào quá trình ra quyết định tại địa phương theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Khi áp dụng QLCĐ, người dân và chính quyền địa phương được nâng cao năng lực, nâng cao tính trách nhiệm xã hội, người dân gắn kết hơn với chính quyền, ảnh hưởng tích cực vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

QLCĐ chú trọng rằng người dân, đặc biệt là người nghèo, không phải chỉ hưởng lợi hay tham gia vào một số hoạt động một cách thụ động, mà họ thực sự là **chủ thể**, tự giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm theo các sáng kiến trong cộng đồng, chấp hành các quy định pháp luật hiện hành. Nhờ đó, các nỗ lực trong quá trình giảm nghèo được thực hiện một cách **sáng tạo hơn, hiệu quả hơn, hiệu suất hơn** và trở nên **bền vững**. Quản lý cộng đồng cũng giúp người dân và chính quyền **có trách nhiệm hơn** với cộng đồng, với xã hội, với môi trường và với thế hệ tương lai. Ngôi nhà của họ không chỉ gói gọn trong mái nhà của gia đình riêng mà nó được mở rộng ra toàn bộ cộng đồng và toàn xã hội. Họ trăn trở hơn với các bức xúc trong xã hội, có ý thức hơn về ảnh hưởng của hành động của mỗi cá nhân, của mỗi cộng đồng đến xã hội và môi trường xung quanh.

CÁC CÁCH TIẾP CẬN CỦA QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

QLCĐ chú trọng cả ba cách tiếp cận:

- Dựa vào cộng đồng;
- Dựa vào nguồn lực và tài sản cộng đồng;
- Dựa trên quyền.

Dựa vào cộng đồng

Mọi quyết định của cộng đồng đều được đưa ra trên nguyên tắc đồng thuận có sự tham gia **dân chủ** của mọi thành viên cộng đồng.

Người dân thực sự làm chủ, là người **ra các quyết định** và quản lý toàn bộ chu trình của các dự án phát triển cộng đồng từ giai đoạn **phân tích hiện trạng**, lựa chọn các **ưu tiên** bằng phương pháp tham gia, xây dựng dự án, **lập kế hoạch, thực hiện** và **giám sát**, bàn bạc về **biện pháp duy trì kết quả của dự án, đánh giá dự án để rút ra các bài học kinh nghiệm** áp dụng cho các dự án tiếp theo.

Dựa vào nguồn lực và tài sản cộng đồng

QLCĐ khuyến khích người dân không chỉ nhìn vào sự thiếu hụt và các khó khăn mà tập trung vào phân tích **các điểm mạnh** trong cộng đồng cũng như các **nguồn nội lực** của cộng đồng và các nguồn ngoại lực mà cộng đồng có thể huy động được (chi tiết hơn ở phần “Phát triển thôn dựa vào nội lực”).

Dựa trên quyền

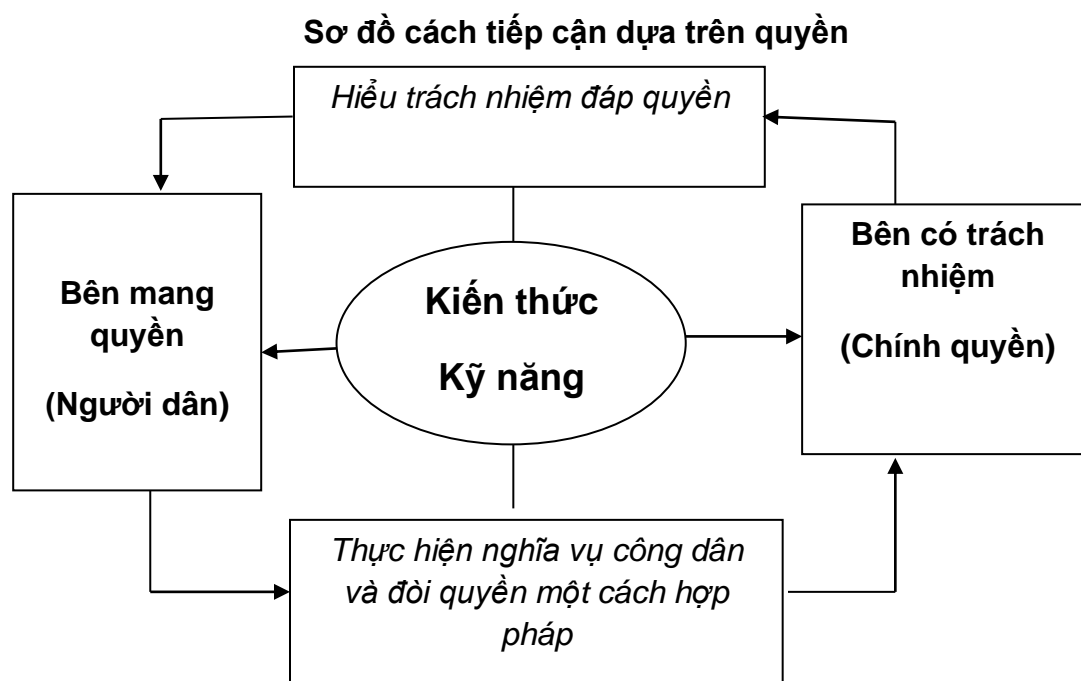
Các quyền và quyền lợi của người dân được quy định trong Hiến pháp và các luật quy định của Việt Nam. Các quyền lợi đó hướng tới chất lượng cuộc sống ngày một nâng cao cho mọi người dân.

QLCĐ lồng ghép các chuẩn mực, các nguyên tắc, các quy định của pháp luật vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch, tập trung vào **sự tham gia của người dân vào quá trình này và nâng cao năng lực cho cả người dân và chính quyền**.

QLCĐ **khuyến khích đối thoại** giữa các bên để hiểu nhau hơn và thay đổi theo hướng tích cực chứ không đối đầu.

Nhà nước ở Việt nam là “nhà nước của dân, do dân và vì dân”, vì thế trong cách tiếp cận dựa trên quyền, người dân được xem là bên mang quyền đối với nhà nước và chính quyền là bên có trách nhiệm trước dân.

QLCĐ tập trung vào thúc đẩy **bên có trách nhiệm** (chính quyền địa phương) hiểu rõ nhiệm vụ **đáp ứng quyền hợp pháp** cho người dân và hỗ trợ người dân biết **thực hiện quyền hợp pháp** đồng thời hỗ trợ người dân biết và **thực hiện nghĩa vụ** công dân.



LỢI ÍCH KHI ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

Áp dụng QLCD mang lại rất nhiều lợi ích trong quá trình phát triển cộng đồng. Một số lợi ích nổi bật là:

- ✓ **Tính hiệu quả:** Do người dân được bàn bạc dân chủ nên các dự án cộng đồng được lựa chọn sẽ đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của người dân;
- ✓ **Huy động được các sáng kiến và trí tuệ:** Do toàn bộ người dân được bàn bạc, người dân sẽ huy động được các sáng kiến và kinh nghiệm của mọi thành viên trong cộng đồng cho quá trình phát triển cộng đồng thôn xóm của họ.
- ✓ **Tính hiệu suất:** Khi người dân xác định được quá trình phát triển cộng đồng là mang lại lợi ích cho toàn bộ các thành viên trong cộng đồng, người dân sẽ thực hiện mọi công việc đảm bảo chất lượng với chi phí thấp nhất.
- ✓ **Tính sở hữu và tính bền vững:** Do được bàn bạc và tham gia vào ra các quyết định, các thành quả do cộng đồng tạo ra sẽ là tài sản của cộng đồng, họ là chủ sở hữu của các thành quả đó. Do vậy, người dân sẽ có trách nhiệm hơn trong bảo quản và duy tu bảo dưỡng các tài sản của họ.
- ✓ **Năng lực của cộng đồng được nâng cao:** Được thực hành QLCD, người dân sẽ được học hỏi về phương pháp quản lý, tích lũy được kinh nghiệm từ thực tiễn. Do đó năng lực của người dân được nâng lên;

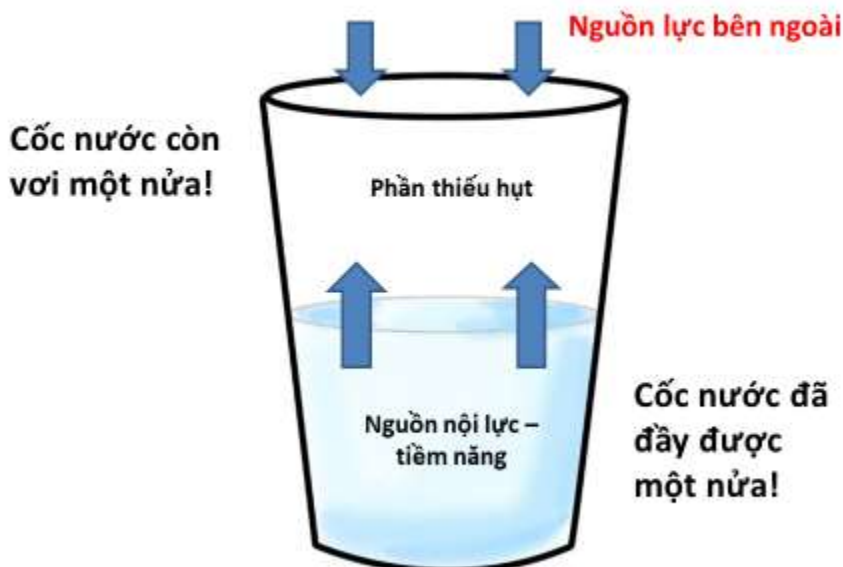
- ✓ **Xây dựng một cộng đồng gắn bó:** Làm việc cùng nhau, cùng nhau tạo ra các tài sản là sở hữu chung, người dân sẽ gắn bó với nhau hơn và có trách nhiệm hơn với mọi hoạt động chung của cộng đồng thôn xóm...

NGUYÊN TẮC CỦA QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

Trong khi thực hiện quản lý cộng đồng, một số các nguyên tắc sau cần được tuân thủ để đảm bảo các cách tiếp cận của QLCD:

1. Mọi thông tin được thông báo rộng rãi và mọi quyết định được bàn bạc công khai, minh bạch, phân công trách nhiệm rõ ràng trước khi thực hiện một giải pháp (trách nhiệm giải trình).
2. Mọi thành viên trong cộng đồng được tham gia và hưởng lợi công bằng và bình đẳng, đặc biệt phụ nữ và người nghèo và cận nghèo;
3. Chú trọng việc nâng cao năng lực cho các thành phần nòng cốt trong cộng đồng;
4. Huy động nguồn nội lực và đóng góp hợp lý của địa phương, không tạo gánh nặng cho cộng đồng (đặc biệt các hộ nghèo và cận nghèo).

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THÔN DỰA VÀO NỘI LỰC



Chúng ta đều biết có hai cách nói khác nhau: nếu nói **cốc nước đang còn vơi một nửa** thì chúng ta sẽ tập trung vào phân tích tại sao cốc nước còn vơi. Nhưng nếu nói cốc nước

đang đầy một nửa, chúng ta sẽ tập trung vào phân tích vì sao nó mới đầy một nửa. Tương tự như khi nhìn nhận một cộng đồng (đặc biệt đối với một cộng đồng còn nghèo), nếu cộng đồng chỉ tập trung vào phân tích các thiếu hụt, các khó khăn thách thức của cộng đồng thì chúng ta sẽ thấy bi quan vì nhìn thấy rất nhiều khó khăn, trở ngại. Cộng đồng giải quyết xong khó khăn này lại thấy khó khăn khác hiện ra...Nhưng nếu trước hết cộng đồng nhìn vào mặt mạnh, vào tài sản hiện có, vào các thành quả mà cộng đồng đã đạt được và các tiềm năng trong tương lai (hay còn gọi là nguồn nội lực của cộng đồng), cộng đồng sẽ lạc quan hơn, tìm cách tăng nguồn lực sẵn có, phát huy các sáng kiến sáng tạo để giảm dần các khó khăn trở ngại, thúc đẩy quá trình phát triển cộng đồng nhanh hơn và hiệu quả hơn...

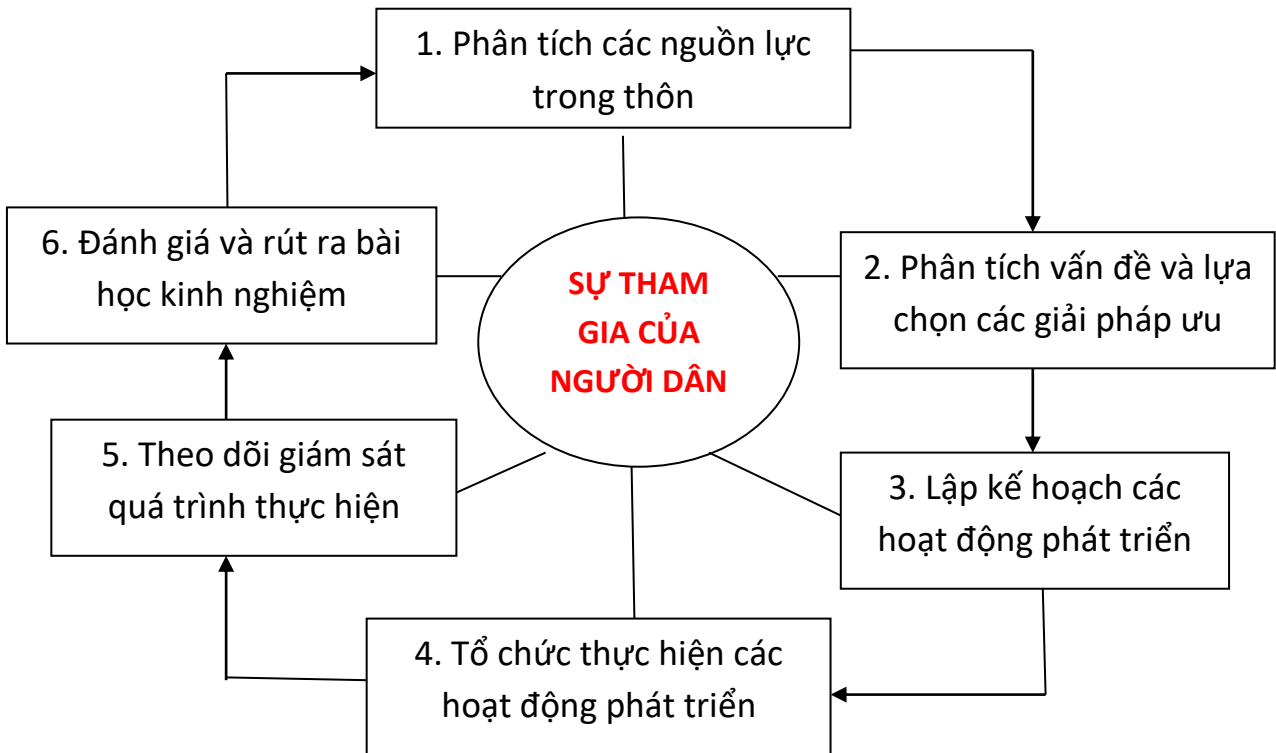
Trong chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM), khái niệm phát triển thôn dựa vào nội lực được hiểu là người dân **tự chủ động** và **biết cách** phân tích hiện trạng, phân tích các nguồn lực, đặc biệt là các điểm mạnh trong thôn, biết xác định các ưu tiên để lập các kế hoạch khả thi (dựa vào các nguồn lực sẵn có trong thôn và nguồn lực huy động được từ bên ngoài như từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các dự án chương trình trong và ngoài nước...), biết cách tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động phát triển một cách hiệu quả, biết cách đánh giá rút ra các bài học kinh nghiệm để làm tốt hơn các hoạt động phát triển tiếp theo và biết lưu trữ các hồ sơ chứng từ quan trọng trong thôn.

Các **tài sản/nguồn nội lực** của cộng đồng bao gồm nhiều hình thức khác nhau: tiền mặt, công lao động và hiện vật do các thành viên đóng góp (đất đai, gỗ, gạch ngói, cát sỏi...)

Các nguồn **ngoại lực** mà cộng đồng cần chú ý huy động bao gồm sự hỗ trợ của Chính quyền, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các nhà hảo tâm, các cá nhân có điều kiện và từ các nhà tài trợ quốc tế...

CHU TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THÔN THEO PHƯƠNG PHÁP QLCD

Quá trình phát triển thôn dựa vào nội lực theo cách tiếp cận quản lý cộng đồng là một *chu trình khép kín*, được thực hiện *thường xuyên*, luôn có *sự tham gia của người dân* trong thôn, bao gồm các bước như trong sơ đồ sau:



PHÂN TÍCH NĂM NGUỒN NỘI LỰC TRONG THÔN

Phân tích các nguồn lực trong thôn là hoạt động đầu tiên rất cần thiết trong chu trình phát triển thôn dựa vào nội lực theo cách tiếp cận quản lý cộng đồng. Người dân trong thôn cần có cái nhìn tích cực và đặc biệt chú trọng tới *các điểm mạnh và tiềm năng* sẵn có trong thôn mình. Quá trình phân tích nguồn lực trong thôn được thực hiện theo các bước sau:

- ✓ Hợp thôn, chia người dân thành các nhóm, phân công mỗi nhóm *thảo luận sâu* về một loại nguồn lực của thôn.
- ✓ Các loại nguồn lực của thôn được chia thành 5 nhóm như sau:
 - Nguồn lực về con người

- Nguồn lực về tổ chức
 - Nguồn lực về tài chính
 - Nguồn lực cơ sở vật chất
 - Nguồn lực tự nhiên
- ✓ Tổng hợp các nguồn lực của thôn vào một bảng để chia sẻ với toàn bộ người dân trong thôn và lưu trữ tại Hồ sơ của thôn (xem ví dụ trong *Bảng 1*)

Nguồn lực về con người

Là loại nguồn lực *quan trọng nhất* giúp một thôn phát triển. Người dân họp và thảo luận, liệt kê tất cả các điểm mạnh về *kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, ngành nghề nổi trội* của các thành viên trong thôn mình.

Các điểm mạnh này sẽ giúp người dân trong thôn biết *phân công nhiệm vụ* phù hợp để tận dụng điểm mạnh của mỗi cá nhân cho các hoạt động phát triển thôn.

Ví dụ, nếu trong thôn có người biết đọc bản vẽ thiết kế và có đội thợ xây dựng giỏi, thôn sẽ tiết kiệm được các chi phí này khi muốn xây dựng nhà văn hóa thôn.

Nguồn lực về tổ chức

Các cá nhân mạnh *biết hợp tác* và tổ chức lại với nhau sẽ giúp thôn phát triển nhanh chóng và mang lại các giá trị gia tăng cũng như lợi ích to lớn cho mỗi gia đình trong thôn. Người dân họp, thảo luận và liệt kê tất cả các tổ, nhóm, hợp tác xã, cơ quan, đoàn thể hiện có trong thôn (gọi chung là tổ chức), sau đó liệt kê các điểm mạnh của các tổ chức này.

Biết được các điểm mạnh của các tổ chức sẵn có trong thôn sẽ giúp người dân *biết cách hợp tác để tận dụng điểm mạnh* của từng tổ chức trong các hoạt động phát triển thôn.

Ví dụ, trong thôn có Nhóm phụ nữ có uy tín và kỹ năng truyền thông tốt có thể tận dụng trong việc huy động đóng góp từ các nhà hảo tâm cho các dự án phát triển thôn.

Nguồn lực về tài chính

Nguồn lực tài chính cần thiết cho tất cả các hoạt động phát triển thôn và có thể *huy động từ nhiều thành phần* khác nhau. Người dân liệt kê các nguồn tài chính có sẵn trong cộng đồng (như thu nhập bình quân, các quỹ hiện có trong thôn); tổng ngân sách sẽ được nhận hỗ trợ từ các chương trình dự án cho từng thời gian cụ thể; ước tính số ngân sách có thể huy động được từ các *nhà hảo tâm* (trong thôn và các con em đi làm xa); từ các *doanh nghiệp* (đóng tại địa bàn thôn, xã và các vùng lân cận, các doanh nghiệp ở xa có quan hệ với bà con trong thôn...); từ các chương trình dự án của Nhà nước (ví dụ các Chương trình Mục tiêu quốc gia - MTQG như Chương trình NTM, Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế xã hội đồng bào Dân tộc thiểu số và Miền núi...) hoặc các nhà tài trợ khác (ví dụ từ các dự án do nước ngoài tài trợ...).

Dự đoán được một cách tương đối các nguồn lực về tài chính có thể huy động được trong năm sẽ giúp người dân trong thôn lập được *kế hoạch các hoạt động phát triển thôn có tính khả thi*.

Ví dụ khi thôn muốn xây dựng 3.000 m kênh mương cung cấp nước cho các cánh đồng lúa đang thiếu nước, nhưng sau khi liệt kê và cân đối tất cả các nguồn lực tài chính, tính toán toàn bộ các khoản đóng góp (cả bằng công và hiện vật) chỉ đủ để xây dựng 2.000 m mương thì khi đó thôn phải lựa chọn xem sẽ làm đoạn mương nào trước, chứ không phải bắt người dân đi vay tiền để đóng góp làm cho bằng được 3.000 m mương, rồi sau đó người dân sẽ bị nợ đọng và không biết sẽ trả nợ bằng cách nào.

Nguồn lực cơ sở vật chất

Các công trình, cơ sở hạ tầng, vật kiến trúc trong thôn và vùng lân cận là nguồn lực cơ sở vật chất quan trọng trợ giúp thêm cho các hoạt động phát triển thôn. Người dân họp, bàn bạc và liệt kê các công trình xây dựng, công trình thủy lợi, đê điều... đã và đang được xây dựng trong thôn và các vùng lân cận, sau đó phân tích các cơ sở vật chất này sẽ giúp ích được gì cho các hoạt động phát triển trong thôn mình.

Biết được các điểm mạnh của các cơ sở vật chất trong thôn và các vùng lân cận sẽ giúp người dân trong thôn biết *tận dụng trong quá trình lập kế hoạch cũng như triển khai thực hiện các hoạt động phát triển thôn*.

Ví dụ người dân biết được Nhà nước đang xây dựng sắp xong một đường quốc lộ gần thôn, rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa đến các siêu thị lớn, khi đó người dân có thể liên hệ trước với các siêu thị, lập kế hoạch sản xuất các sản phẩm theo chuỗi giá trị mà các siêu thị đang có nhu cầu để tăng thu nhập cho người dân trong thôn.

Nguồn lực tự nhiên

Các tài nguyên thiên nhiên sẵn có trong thôn và tại các vùng lân cận là nguồn lực quan trọng giúp các hoạt động phát triển thôn *thuận lợi và phong phú* hơn. Người dân họp, thảo luận và liệt kê các danh lam thắng cảnh, các tài nguyên thiên nhiên *sẵn có* trong thôn và các vùng lân cận, sau đó thảo luận về quyền được khai thác, cách khai thác và tận dụng các tài nguyên này như thế nào cho quá trình phát triển thôn. Tuy nhiên khi khai thác và tận dụng tài nguyên thiên nhiên, người dân cần phải chú ý đến sự bảo tồn và không được làm ảnh hưởng đến môi trường cũng như cuộc sống của thế hệ mai sau.

Phân tích sâu về nguồn lực tự nhiên, giúp người dân trong thôn biết cách tận dụng các lợi ích tự nhiên cho các hoạt động phát triển thôn, đồng thời giúp người dân có ý thức hơn với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường xung quanh.

Ví dụ người dân nhận thấy trong một khu rừng thuộc sở hữu của thôn đang có rất nhiều loại cây thuốc nam quý hiếm nhưng đang bị trâu bò phá dần, người dân có thể thành lập tổ nhóm bảo tồn, khai thác và trồng thuốc nam một cách hợp lý trong khu rừng này, phục vụ cho việc chữa các bệnh bằng thuốc nam và tăng thu nhập cho các hộ gia đình.

Bảng 1: Ví dụ bảng tổng hợp 5 loại nguồn lực trong thôn A

Các loại nguồn lực	Liệt kê các điểm mạnh về từng nguồn lực
Nguồn lực về con người	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân đoàn kết - Có một cán bộ địa chính biết đọc bản vẽ thiết kế - Có đội thợ xây dựng tay nghề cao - Có một bác sỹ mới về hưu có kinh nghiệm chữa bệnh cho trẻ em - Có một số hộ có kinh nghiệm nuôi gà sạch được thị trường ưa chuộng - Có cán bộ thú y giỏi - ...
Nguồn lực về tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Chi hội phụ nữ có kinh nghiệm về công tác truyền thông và được người dân tín nhiệm - Có một Hợp tác xã thực hiện mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị rất thành công trong trồng rau an toàn - Có nhóm tiếp thị tiêu thụ sản phẩm tại các siêu thị lớn cách thôn 50 km - Đoàn thanh niên có phong trào hoạt động bảo vệ môi trường - ...
Nguồn lực về tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập bình quân đầu người trong thôn năm ngoái (khoảng.... đồng/người) - Có 2 tổ tín dụng tiết kiệm trong thôn hoạt động bền vững từ 3 năm nay - Có 10 hộ gia đình có con đi làm việc ở nước ngoài thường đóng góp cho thôn mỗi năm là.... đồng - Ông A và bà B có thể huy động đóng góp từ các doanh nghiệp ở tỉnh - Quỹ Nông thôn mới dành cho thôn trong năm tới là...đồng - Các quỹ khác (nếu có) là:....đồng - ...
Nguồn lực về cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Xã mới xây dựng xong trường mầm non đạt tiêu chuẩn và đưa vào hoạt động từ Quý II năm tới, các hộ gia đình có thể gửi các cháu trên 3 tuổi để có thời gian làm kinh tế - Đường cao tốc đang được xây dựng sẽ xong vào giữa năm tới, thuận tiện cho vận chuyển nông sản an toàn đến các siêu thị ở tỉnh - Nhà nước đang xây dựng một nhà máy xử lý rác thải tại huyện sẽ xong vào cuối năm nay, thôn có thể tổ chức các đội thu gom rác thải -
Nguồn lực tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Có suối nước nóng hiện chưa được khai thác - Có nguồn khai thác đá dăm - Có hồ tự nhiên quanh năm đầy nước - ...

PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ VÀ LỰA CHỌN GIẢI PHÁP ƯU TIÊN

Thường người dân trong thôn có rất nhiều mối quan tâm/ nhu cầu muốn được giải quyết ngay trong năm kế hoạch. Khi được hỏi, mỗi nhóm người dân sẽ đưa ra các vấn đề khác nhau mà họ muốn thôn nên giải quyết ngay trong năm kế hoạch.

Tuy nhiên, do nguồn lực chỉ có hạn, nên thôn không thể giải quyết ngay tất cả các vấn đề trong năm kế hoạch. Vì vậy, việc nhận biết tất cả các vấn đề mà người dân trong thôn đưa ra, sau đó cùng nhau *lựa chọn một cách công khai dân chủ* xem các vấn đề nào cần ưu tiên giải quyết trước trong năm kế hoạch là một việc cần thiết và vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển thôn dựa vào nội lực. Quá trình này được thực hiện như sau:

- ✓ Họp thôn, hỏi lần lượt các thành viên tham dự cuộc họp và đề nghị họ đưa ra *các vấn đề* muốn được giải quyết trong năm kế hoạch (ví dụ, dựa vào các tiêu chí Nông thôn mới hoặc các dự án thành phần trong ba Chương trình Mục tiêu quốc gia - MTQG).
- ✓ Yêu cầu các thành viên tham dự cuộc họp thảo luận về *các giải pháp khả thi* mà thôn có thể *tự giải quyết* được trong năm kế hoạch bằng các nguồn lực hiện có trong thôn và các nguồn lực có thể huy động được (dựa vào năm nguồn của thôn đã phân tích trong **Bảng 1**).
- ✓ Liệt kê các vấn đề và đề xuất *các giải pháp khả thi* vào một bảng. Chú ý là để giải quyết một vấn đề có thể có nhiều giải pháp (xem **Bảng 2**). Ví dụ để giải quyết vấn đề thiếu nước tưới, có thể xây mương hoặc khoan giếng hoặc lắp ống dẫn nước từ trên núi xuống các cánh đồng..
- ✓ Chia các thành viên tham dự cuộc họp vào các nhóm (khoảng 10 người một nhóm). Yêu cầu từng người trong nhóm cho điểm đối với từng giải pháp khả thi (xem **Bảng 3**).
- ✓ Cách cho điểm:
 - Nói rõ mỗi người có bao nhiêu điểm (hoặc phát cho mỗi người số hạt ngô bằng số điểm, ví dụ 5 điểm hoặc 5 hạt ngô)
 - Mỗi người tự quyết định xem nên *cho điểm* cho một giải pháp hay cho nhiều giải pháp. Nhưng tổng số điểm cộng lại của các giải pháp không được nhiều hơn số điểm mà mình có. Ví dụ một người chỉ chọn một giải pháp và cho giải pháp này toàn bộ 5 điểm; người khác lại chọn hai giải pháp, cho một giải pháp 3 điểm và giải pháp kia 2 điểm... Làm tương tự nếu sử dụng phương pháp *thả hạt ngô* vào từng giải pháp (có thể dành cho mỗi giải pháp một cái hộp để đựng hạt ngô).
- ✓ Tổng hợp tất cả *điểm của từng giải pháp trong từng nhóm*, sau đó tổng hợp toàn bộ *số điểm của từng giải pháp của tất cả các nhóm* và xếp thứ tự ưu tiên. Giải pháp có nhiều điểm nhất được xếp ưu tiên số 1, sau đó là ưu tiên số 2, ưu tiên số 3...(xem **Bảng 4**)

Bảng 2: Ví dụ 8 vấn đề và 12 giải pháp đề xuất khả thi của thôn A

STT	Các vấn đề	Các giải pháp đề xuất khả thi
1	1.000 m đường giao thông từ cụm dân cư X đến cánh đồng A lây lợi không vận chuyển được nông sản	GP 1: Trả cấp phối toàn bộ 1.000 m đường với chiều rộng 3 m. Chờ huy động được nguồn lực sẽ bê tông hóa sau.
		GP 2: Giải phóng mặt bằng toàn bộ 1.000 m với chiều rộng 3 m, bê tông hóa trước phần giữa lòng đường rộng 2 m, phần còn lại sẽ bê tông hóa sau.
2	Xây nhà văn hóa	GP 3: Diện tích rộng 100 m ² , hai nhà vệ sinh nam và nữ, lợp ngói, làm trần...
		GP 4: Diện tích rộng 80 m ² , dành đất để làm nhà vệ sinh nam nữ sau...
3	Ngập úng vào trời mưa do hệ thống cống rãnh tồi	GP 5: Nạo vét 700 m cống rãnh hiện có, xây thêm 300 m cống mới từ X đến Y
		GP 6: Xây mới toàn bộ 1.000 m cống từ đầu đến cuối thôn
....
8	Hỗ trợ 3 hộ nghèo trong thôn phát triển sản xuất	GP 12: Hỗ trợ 3 hộ nghèo vay vốn, làm chuồng và nuôi gà sạch

Bảng 3: Nhóm 1 chấm điểm cho 12 giải pháp đề xuất khả thi của thôn A (Nhóm 1 gồm có 10 thành viên)

Giải pháp	Ông A	Bà B	Ông C	Bà D	Bà E	Bà F	Ông X	Bà Y	Ông N	Bà M	Tổng điểm
GP 1	5						2		2		9
GP 2		3						1			4
GP 3			4						2		6
GP 4			1				2				3
GP 5		2				2					4
GP 6					3					2	5
GP 7				2							2
GP 8				1			1			1	3
GP 9					2						2
GP 10						2				2	4
GP 11						1			1		2
GP 12				2				4			6

Bảng 4: Tổng hợp điểm của tất cả các nhóm trong thôn A (với 77 hộ tham gia) cho 12 giải pháp đề xuất (Tổng điểm = 77 hộ x 5 = 385 điểm)

Giải pháp	GP 1	GP 2	GP 3	GP 4	GP 5	GP 6	GP 7	GP 8	GP 9	GP 10	GP 11	GP 12	Tổng điểm
Số điểm	50	32	40	35	71	22	12	10	41	9	15	48	385
Thứ tự ưu tiên	2		5		1				4			3	

Ví dụ: Theo kết quả trong **Bảng 4**, tuy cả 12 giải pháp là khả thi, nhưng trong năm kế hoạch thôn A quyết định sẽ chỉ ưu tiên thực hiện 3 giải pháp phù hợp với nguồn lực hiện có:

- GP 5 (ưu tiên số 1): "Nạo vét hệ thống cống rãnh hiện có, xây thêm 300 m cống mới từ X đến Y"
- GP 1 (ưu tiên số 2): "Trải cấp phối toàn bộ 1.000 m đường với chiều rộng 3 m. Chờ huy động được nguồn lực sẽ bê tông hóa sau"
- GP 12 (ưu tiên số 3): "Hỗ trợ 3 hộ nghèo vay vốn, làm chuồng và nuôi gà sạch"

ÁP DỤNG QLCĐ THEO NGHỊ ĐỊNH 27/2022 VỀ QUY ĐỊNH CƠ CHẾ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

PHẦN I: Công trình quy mô nhỏ theo cơ chế đặc thù

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

- 1) Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình;
- 2) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp
- 3) Đóng góp của người dân bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.
- 4) Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường.
- 5) Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

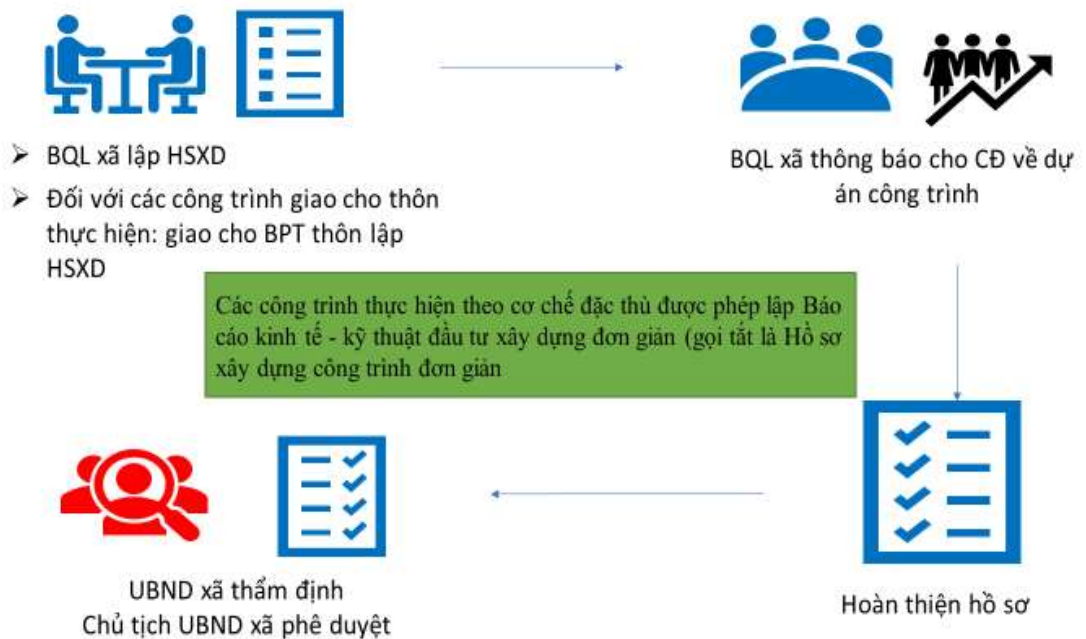
2. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

- ✓ Thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia;
- ✓ Tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng;
- ✓ Dự án nằm trên địa bàn 01 xã và do Ủy ban nhân dân xã quản lý;
- ✓ Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình;
- ✓ Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Quy trình thực hiện áp QLCD theo cơ chế đặc thù 27/2022-NĐ-CP



Bước 1. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản



HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

- Tên dự án
- Mục tiêu đầu tư
- Địa điểm xây dựng
- Chủ đầu tư
- Quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
- Thời gian thực hiện
- Tổng mức đầu tư, trong đó gồm:
 - Kinh phí nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của nhân dân, huy động khác.
 - Bảng kê chi phí, trong đó ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ và đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được áp dụng theo giá thị trường.
- Bản vẽ thi công (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.
- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư.

Bước 2: Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án

Ủy ban nhân dân (UBND) xã chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

Thành phần tổ thẩm định:	<ul style="list-style-type: none">➢ Tổ trưởng: Lãnh đạo UBND xã➢ Thành viên:<ul style="list-style-type: none">- Đại diện ban giám sát đầu tư cộng đồng xã- Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn (nếu có).- Chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bầu chọn.
Hồ sơ thẩm định:	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thẩm định hồ sơ xây dựng công trình- Hồ sơ xây dựng công trình- Biên bản các cuộc họp của cộng đồng và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).
Nội dung thẩm định:	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch có liên quan.- Sự phù hợp của bản vẽ thi công với điều kiện thực tế mặt bằng thi công công trình; mức độ an toàn và giải pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức được giao thi công.- Tính hợp lý của các chi phí so với giá thị trường tại địa phương, với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).- Khả năng huy động vốn theo cơ cấu từng nguồn vốn, gồm: Vốn nguồn ngân sách nhà nước so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đóng góp của tổ chức, cá nhân và vốn huy động hợp pháp khác;- Tiến độ dự kiến.
Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định	<ul style="list-style-type: none">- Không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình	Căn cứ ý kiến thẩm định, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn hoàn thiện Hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

Lưu ý:

- Đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hằng năm, thời gian phê duyệt đầu tư dự án phải đảm bảo trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.
- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

Bước 3: Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp

Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: **tham gia thực hiện của cộng đồng.**

1. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng

- ✓ Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp.
- ✓ Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã đủ điều kiện thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng lựa chọn trên địa bàn huyện.
- ✓ Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu.

2. Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu

- ✓ Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tín nhiệm lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.
- ✓ Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã hoặc huyện có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã nơi có dự án; phải có Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã có dự án.

Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ:

1. BQL xã niêm yết thông báo (ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu) công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu **(tối thiểu 3 ngày làm việc)**

- Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã
- Thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã
- Tại các nơi sinh hoạt cộng đồng

2. BQL xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

4. BQL xã xem xét, đánh giá lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán và ký kết hợp đồng.

(Chỉ giao tổ, nhóm thợ địa phương thực hiện khi cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể không có đơn đăng ký thực hiện gói thầu, dự án hoặc không đáp ứng yêu cầu và ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ sử dụng nhân công là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số)

3. Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã quan tâm nhận dự thảo hợp đồng → nghiên cứu, chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu/dự án:

- Họ tên; Độ tuổi; Năng lực, kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu
- Giá nhận thầu và tiến độ thực hiện

Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 15 ngày.

Lưu ý: Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Bước 4: Tổ chức, quản lý thi công, nghiệm thu công trình và thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng.

1. Tổ chức thi công công trình:

- ✓ Căn cứ Hồ sơ xây dựng công trình được phê duyệt, Kết quả lựa chọn đơn vị thi công, Kế hoạch giao vốn chi tiết cho dự án; BQL xã ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng/tổ chức được giao để thi công thực hiện công trình;
- ✓ Cộng đồng/ tổ chức thực hiện thi công công trình, Thu thập hoá đơn, chứng từ và ghi chép sổ sách;

2. Quản lý chất lượng, giám sát thi công công trình.

- ✓ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.
- ✓ Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.

3. Tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán công trình.

- ✓ Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công trình, thành phần gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát của cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công hoặc hợp tác xã; các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.
- ✓ Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- ✓ Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng.

Bước 5: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

1. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung sau:

- ✓ Giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng; Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì.
- ✓ Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Nội dung bảo trì công trình

- ✓ Kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình.
- ✓ Thay thế hạng mục, thiết bị công trình nhưng không làm thay đổi công năng, quy mô công trình.
- ✓ Quy trình, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

PHẦN II: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong chương trình MTQG

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ Phát triển sản xuất (PTSX) trong CT MTQG

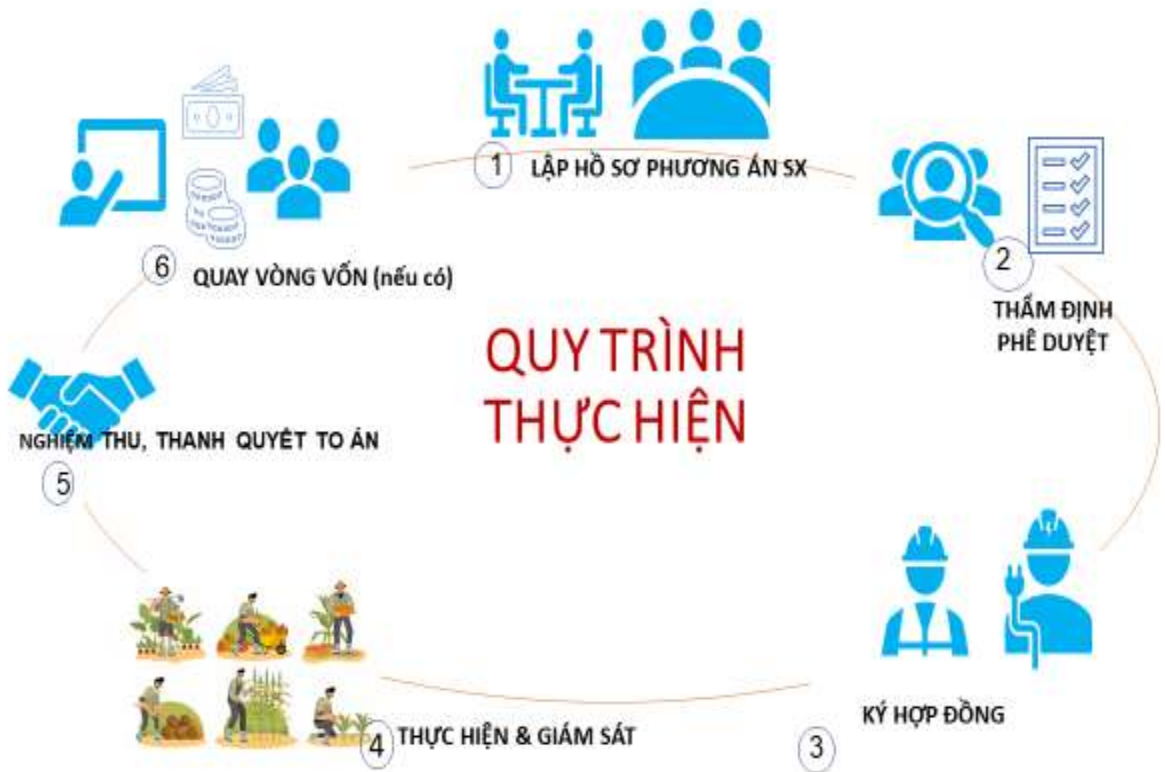
- 1) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia.
- 2) Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.
- 3) Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân.
- 4) Ưu tiên sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- 5) Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.
- 6) Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

2. Điều kiện hỗ trợ

- a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.
- b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được UBND cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.
- c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.
- d) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

3. Các bước thực hiện

Các hoạt động phát triển sản xuất cộng đồng theo Nghị định 27/2022, được thực hiện theo các bước sau:



Bước 1: Lập hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất

Do **Cộng đồng dân cư xây dựng**. Hồ sơ phải gồm:

- Biên bản họp dân;
- Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm;
- Tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm;
- Kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có);
- Trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển;
- Nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương

Bước 2: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định:

✓ **Thành phần:**

- Tổ trưởng: Lãnh đạo UBND huyện
- Thành viên: Lãnh đạo UBND xã; Lãnh đạo phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện; Chuyên gia/ người có trình độ chuyên môn (do CE bình chọn)

✓ **Nội dung hồ sơ**

- Tên dự án, phương án
- Thời gian triển khai, địa bàn, đối tượng tham gia
- Các hoạt động của dự án
- Dự toán kinh phí, nguồn kinh phí
- Hình thức, mức quay vòng (nếu có)
- Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra
- Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị

- Chế tài xử lý vi phạm (nếu có)

✓ **Phê duyệt**

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND huyện quyết định phê duyệt

Bước 3: Ký hợp đồng

Cơ quan, đơn vị được giao vốn:

- Ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

Bước 4: Thực hiện và Giám sát

Cơ quan, đơn vị được giao vốn:

- Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

Bước 5: Nghiệm thu và Thanh quyết toán

Cơ quan đơn vị được giao vốn:

- Nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.
- Thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành

4. Nội dung hỗ trợ

- a) Theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên:
- b) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.
- c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.
- d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

- a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó

khẩn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

- b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

Tóm lại, cơ chế đặc thù trong các Chương trình MTQG là tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để người dân trong các thôn xóm thực hiện tự quản cộng đồng nhằm tăng tính hiệu quả, hiệu suất và tính bền vững của các Chương trình MTQD. Đây chính là tinh thần của cách tiếp cận QLCD mà Trung tâm DWC theo đuổi suốt nhiều năm qua, hướng tới xây dựng một cộng đồng đoàn kết gắn bó và phát triển cộng đồng bền vững ./,

CHÚC THÀNH CÔNG!